

Số: /BC-THCS HTAY

Hải Tây, ngày 06 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT,
CDS VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đơn vị báo cáo: Trường THCS Hải Tây
- Cán bộ đầu mối phụ trách: Mai Thế Hùng, chức vụ: Phó hiệu trưởng, số điện thoại: 0916634007

**II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG
CNTT, CDS VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026**

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Công tác triển khai các văn bản chỉ đạo về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số:

Nhà trường đã tổ chức quán triệt và triển khai nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của cấp trên, trọng tâm là:

Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030";

Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT quy định dạy học trực tuyến (DHTT) trong GDPT; Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT về quản lý vận hành, sử dụng CSDL ngành;

Căn cứ Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 08/08/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 19/9/2025 của SGDĐT Ninh Bình;

Căn cứ Công văn số: 1921/SGDDĐT-CTHSSV V/v báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS, thống kê giáo dục năm học 2025-2026 ngày 01 tháng 6 năm 2026;

1.2. Việc ban hành kế hoạch, tổ chức thực hiện tại đơn vị:

Ban hành hệ thống văn bản quản trị: Nhà trường đã ban hành đầy đủ các kế hoạch và quy chế làm cơ sở pháp lý cho hoạt động chuyển đổi số, bao gồm:

Kế hoạch số 19/ KH-THCSHTAY ngày 18/09/2025 về Về việc thành lập Ban chỉ đạo “Chuyển đổi số” giai đoạn 2025-2027, định hướng đến năm 2030

Kế hoạch số 33/KH-THCSHTAY ngày 01/10/2025 về Quy chế và Kế hoạch dạy học trực tuyến năm học 2025-2026.

Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống quản trị trong nhà trường (theo Quyết định số 34/QĐ-THCSHTAY ngày 02/10/2025).

Kế hoạch số 31/KH-THCSHTAY ngày 12/11/2025 về Triển khai thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin, Chuyển đổi số, năm học 2025-2026

Kiện toàn bộ máy tổ chức:

Ban hành Quyết định số Số: 54/QĐ-THCSHTAY ngày 11/09/2025 về Về việc kiện toàn Tổ phụ trách Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trường THCS Hải Tây từ năm học 2025-2026

Phân công nhiệm vụ: Gắn kết quả triển khai ứng dụng CNTT với công tác thi đua, khen thưởng hằng năm của cán bộ, giáo viên và nhân viên.

2. Chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị và thống kê giáo dục

2.1. Triển khai cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành giáo dục

Nhà trường đã hoàn thiện việc cập nhật dữ liệu 100% hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trên hệ thống CSDL ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện rà soát, đối chiếu và đồng bộ dữ liệu định kỳ, đảm bảo thông tin “đúng, đủ, sạch, sống” phục vụ công tác thống kê giáo dục đầu năm và cuối năm học.

Phân công cán bộ chuyên trách (đ/c Nguyễn Thị Vân) thường xuyên theo dõi và xử lý các sai sót kỹ thuật trong quá trình đồng bộ dữ liệu với hệ thống quốc gia.

2.2. Triển khai phần mềm quản lý trường học

Duy trì và khai thác hiệu quả hệ thống quản trị nhà trường (vnEdu) trong việc quản lý điểm, chuyên cần, thời khóa biểu và thông tin liên lạc với phụ huynh học sinh.

Triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT) để thực hiện gửi - nhận văn bản điện tử, giúp giảm thiểu 90% việc sử dụng văn bản giấy trong điều hành nội bộ.

Sử dụng phần mềm quản lý thư viện, quản lý thiết bị dạy học và quản lý tài chính - tài sản đảm bảo tính khoa học và minh bạch.

2.3. Triển khai Dịch vụ công trực tuyến

Nhà trường đã triển khai và thực hiện hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến theo hướng dẫn của ngành Giáo dục và các cơ quan quản lý nhà nước. Công tác tuyển sinh đầu cấp được thực hiện trên môi trường số, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh học sinh trong việc đăng ký tuyển sinh, nộp hồ sơ và theo dõi kết quả xét tuyển.

- Công tác văn thư, lưu trữ và điều hành tại trường THCS Hải Tây đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ sang môi trường số. Hiện nay, 100% văn bản đi và đến, các hồ sơ nghiệp vụ được xử lý triệt để qua phần mềm quản lý văn bản và điều hành.

100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của nhà trường được tiếp nhận, xử lý và lưu trữ trên các hệ thống điện tử theo quy định. Nhà trường tích cực tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính và giảm thời gian thực hiện thủ tục.

Bên cạnh đó, nhà trường thực hiện tốt việc kết nối, khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục phục vụ các thủ tục hành chính điện tử; phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc xác thực, đồng bộ thông tin, bảo đảm tính chính xác, minh bạch và thuận tiện cho người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến đã góp phần giảm đáng kể hồ sơ giấy, nâng cao chất lượng phục vụ, từng bước xây dựng môi trường quản lý giáo dục hiện đại, công khai và minh bạch.

2.4. Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt

Nhà trường đã phối hợp với các ngân hàng và đơn vị Công ty TNHH Phát triển và chuyển giao phần mềm để triển khai các khoản thu dịch vụ giáo dục bằng hình thức trực tuyến.

Đến cuối năm học, tỷ lệ phụ huynh học sinh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đạt trên 100%, góp phần công khai, minh bạch trong công tác tài chính.

2.5. Triển khai học bạ số

Thực hiện đúng lộ trình nhà trường đã hoàn thành việc cấp và quản lý học bạ số cho 100% học sinh từ khối 6 đến khối 9 trên hệ thống vnEdu.

Đặc biệt tập trung hoàn thiện dữ liệu và ký số học bạ cho học sinh lớp 9 để phục vụ công tác chuyển cấp trên môi trường số, đảm bảo dữ liệu chính xác và bảo mật.

2.5. Triển khai chữ ký số

100% cán bộ quản lý và giáo viên đã được cấp và sử dụng chữ ký số cá nhân (SmartCA) để ký duyệt các loại hồ sơ chuyên môn điện tử, học bạ số và sổ điểm, riêng năm học 2025-2026 CBQL sử dụng chữ ký Token đánh giá học bạ số; đã hoàn thiện cài đặt, thay đổi con dấu trên CSDL ngành.

Việc ứng dụng chữ ký số giúp rút ngắn thời gian phê duyệt hồ sơ, tiết kiệm chi phí in ấn và lưu trữ thủ công.

2.6. Triển khai các dịch vụ hành chính điện tử

Sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành để thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử.

Thực hiện trao đổi công việc, báo cáo, thống kê trên các hệ thống trực tuyến của ngành.

Tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử trong quản lý nhà trường, giảm đáng kể việc sử dụng văn bản giấy.

2.7. Công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Nhà trường đã ban hành và thực hiện nghiêm túc Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống quản trị trong đó quy định rõ trách nhiệm bảo mật tài khoản cá nhân.

Định kỳ kiểm tra, quét virus hệ thống máy tính tại các phòng chức năng và văn phòng. 100% các hệ thống phần mềm quản lý đều được thiết lập mật khẩu bảo mật đa lớp.

Thực hiện tốt việc bảo vệ dữ liệu cá nhân của học sinh và giáo viên, không chia sẻ thông tin lên các nền tảng mạng xã hội khi chưa được sự đồng ý của chủ thể hoặc lãnh đạo nhà trường.

3. Chuyển đổi số trong công tác dạy và học

3.1. Phát triển, sử dụng học liệu số:

Nhà trường đã xây dựng và phát triển kho học liệu số dùng chung phong phú bao gồm bài giảng điện tử, video bài dạy, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm.

100% giáo viên tích cực khai thác học liệu số từ các nguồn uy tín của Bộ và Sở GD&ĐT, đồng thời chủ động thiết kế bài giảng E-learning, video clip minh họa để làm phong phú nội dung giảng dạy.

3.2. LMS, thư viện số/thư viện điện tử

Hệ thống LMS: Duy trì vận hành hiệu quả trang dạy học trực tuyến tại địa chỉ <https://olm.vn/home?action=login>

Giáo viên nhà trường kết hợp sử dụng các phần mềm: Google Classroom, Azota, Quizizz, Kahoot ... để giao nhiệm vụ học tập, triển khai các bài ôn tập và kiểm tra đánh giá thường xuyên cho học sinh.

3.3. Tập huấn, phát triển năng lực số

Tổ chức các buổi chuyên đề bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ mới cho 100% cán bộ, giáo viên, tập trung vào: sử dụng chữ ký số cá nhân (SmartCA), kỹ thuật vận hành màn hình tương tác và quản lý máy tính bảng trong phòng học thông minh.

Triển khai tập huấn chuyên sâu về các phần mềm soạn giảng và công cụ hỗ trợ dạy học hiện đại, giúp giáo viên khắc phục tình trạng lúng túng khi sử dụng các thiết bị công nghệ cao.

3.4. Dạy học trực tuyến, ứng dụng AI trong tổ chức hoạt động giáo dục

Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và các công cụ hỗ trợ dạy học:

100% giáo viên chủ động khai thác các công cụ AI (như Chat GPT Gemini, Canva Magic Studio, <https://notebooklm.google/>) để tối ưu hóa việc soạn thảo kế hoạch bài dạy. Việc ứng dụng AI giúp đa dạng hóa các kịch bản dạy học, tạo lập hình ảnh, video minh họa trực quan sinh động cho các môn học như Tiếng Anh, Khoa học, Lịch sử và Địa lý...

Thiết kế bài giảng tương tác: Giáo viên sử dụng các nền tảng như Quizizz, Kahoot, Wordwall kết hợp với AI để xây dựng các trò chơi giáo dục (Rung chuông vàng, Ai là triệu phú, Cá mập ăn chữ) giúp học sinh hào hứng tham gia và ghi nhớ kiến thức ngay tại lớp.

Cá nhân hóa học tập: Bước đầu ứng dụng các phần mềm có tích hợp AI để phân loại bài tập theo năng lực học sinh, giúp hỗ trợ kịp thời cho các em còn yếu và bồi dưỡng học sinh năng khiếu.

3.5. Các nội dung khác

Duy trì hình thức sinh hoạt chuyên môn, hội họp trực tuyến qua các nền tảng Google Meet, Zoom, đảm bảo sự linh hoạt và kết nối thông suốt trong công tác quản lý dạy và học.

Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình thông qua các kênh tương tác số, đảm bảo thông tin học tập của học sinh được cập nhật kịp thời, chính xác.

4. Triển khai phong trào Bình dân học vụ số (theo kế hoạch 05/KH-SGDDT ngày 24/7/2025)

Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-SGDDT về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, nhà trường đã tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về vai trò của chuyển đổi số trong giáo dục.

Nhà trường đã thành lập Tổ CNTT, phát huy vai trò hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong việc sử dụng các nền tảng số, phần mềm quản lý giáo dục và các công cụ hỗ trợ dạy học hiện đại. Tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn theo hình thức “cầm tay chỉ việc”, “người biết hỗ trợ người chưa thành thạo”, giúp cán bộ, giáo viên nâng cao kỹ năng số và ứng dụng hiệu quả công nghệ trong công việc.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được phổ biến kiến thức, kỹ năng số cơ bản; sử dụng thành thạo các nền tảng phục vụ quản lý, điều hành, chữ ký số SmartCA, học bạ số và các hệ thống dùng chung của ngành. Đồng thời, giáo viên được khuyến khích khai thác các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ xây dựng học liệu, thiết kế bài giảng và tổ chức các hoạt động giáo dục.

Thông qua phong trào, nhận thức và năng lực số của đội ngũ từng bước được nâng cao, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số toàn diện trong nhà trường.

5. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục theo kế hoạch năm học.

Kiểm tra hồ sơ chuyên môn điện tử:

- Hiệu phó thực hiện kiểm tra, duyệt Kế hoạch bài dạy và Báo giảng của giáo viên trên hệ thống ít nhất 07 ngày trước khi thực hiện giảng dạy. Ban Giám hiệu thực hiện kiểm tra xác suất và ký số phê duyệt hồ sơ vào cuối mỗi tháng, đảm bảo 100% giáo viên thực hiện đúng quy chế hồ sơ sổ sách chuyên môn.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất việc cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu ngành, việc sử dụng các phần mềm quản lý nhà trường, triển khai học bạ số, chữ ký số, hồ sơ điện tử và công tác bảo đảm an toàn thông tin trong môi trường số.

Thông qua công tác kiểm tra, nhà trường kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để hướng dẫn, hỗ trợ và khắc phục. Đồng thời, kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số được đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua của cán bộ, giáo viên và nhân viên hằng năm.

Nhà trường đã thực hiện ít nhất 01 đợt rà soát, đánh giá an toàn thông tin trong năm học. Thường xuyên nhắc nhở cán bộ, giáo viên nâng cao ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo mật tài khoản và yêu cầu thay đổi mật khẩu đối với các tài khoản có dấu hiệu bảo mật yếu, đảm bảo 100% thành viên Ban chỉ đạo và giáo viên tuân thủ nghiêm túc quy chế bảo mật dữ liệu cá nhân của học sinh.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU

ST T	Nội dung nhiệm vụ/Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Ghi chú/ Khó khăn
1	Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá			
1.1	Cơ sở giáo dục (CSGD) khai thác phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến, theo dõi và phân tích quá trình học tập của người học	Có/ Không	Có	Nhà trường sử dụng Google Classroom, Azota, Quizizz, Kahoot.. trong dạy học trực tuyến
1.2	Số lượng mô hình dạy học tiên tiến (lớp học thông minh, học tập tương tác) đã triển khai	Mô hình	Không	
1.3	Tỷ lệ giáo viên được tập huấn kỹ năng ứng dụng AI và năng lực số	%	100%	
1.4	Tỷ lệ giáo viên thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính	%	40%	
1.5	Số lượng học liệu số dùng chung được xây dựng mới trong năm học 2025-2026	SL	171	
2	Quản trị nhà trường và cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành			

2.1	CSGD triển khai phần mềm quản trị trường học kết nối thông suốt với CSDL ngành	Có/Không	Có	
2.2	Tỷ lệ người học, nhà giáo được định danh và quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 100%)	%	100%	
2.3	Tỷ lệ cơ sở vật chất, thiết bị được quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 80%)	%	50%	
2.4	Kết quả triển khai học bạ số và văn bằng số	Mô tả	100% học bạ của học sinh đều được ký số.	
3	Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt			
3.1	CSGD triển khai dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học	Có/Không	Có	
3.2	CSGD thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt	Có/Không	Có	
3.3	CSGD triển khai kết nối phần mềm quản lý học phí với Nền tảng thanh toán trực tuyến Cổng DVC quốc gia	Có/Không	Có	
4	Hạ tầng, nhân lực và an toàn thông tin			
4.1	Số lượng đường truyền có kết nối Internet băng thông rộng	Có/Không	Có	
4.2	CSGD đã triển khai giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường	%	100%	
4.3	Số lượng cuộc tự kiểm tra rà soát an	Cuộc		

	toàn, an ninh thông tin trong năm của đơn vị		01 cuộc	
4.4	Kết quả triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" tại đơn vị	Mô tả	Hưởng ứng phong trào “Bình dân học vụ số”, nhà trường đã thành lập Tổ CNTT. Tổ chức các buổi hướng dẫn theo mô hình “người thạo việc kèm người chưa thạo”, giúp 100% cán bộ, giáo viên và nhân viên làm chủ các công cụ chuyển đổi số cơ bản, ký số SmartCA thành thạo và biết cách khai thác ứng dụng AI trong công việc.	

IV. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tổng điểm chuyển đổi số trong dạy, học tự đánh giá: 85/100 điểm.

Tổng điểm Chuyển đổi số trong quản trị: 89/100 điểm.

Tự xếp loại mức độ chuyển đổi số: Mức độ 3

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Ưu điểm:

- Nhà trường đã triển khai nghiêm túc, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT và các cấp về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục.

- Ban hành đầy đủ các kế hoạch, quy chế, quyết định liên quan đến công tác chuyển đổi số, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện đồng bộ trong toàn trường.

- Dữ liệu cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được cập nhật đầy đủ trên Cơ sở dữ liệu ngành; đảm bảo thông tin chính xác, đồng bộ và phục vụ tốt công tác quản lý, thống kê giáo dục.

- Việc sử dụng các phần mềm quản trị nhà trường, học bạ số, chữ ký số, hồ sơ điện tử được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng quản lý, giảm thời gian xử lý công việc và tiết kiệm chi phí hành chính.

- 100% cán bộ, giáo viên tích cực ứng dụng CNTT trong giảng dạy; khai thác hiệu quả học liệu số, các nền tảng hỗ trợ dạy học trực tuyến và các công cụ AI phục vụ đổi mới phương pháp dạy học.

- Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt đạt trên 98%; công tác tuyển sinh trực tuyến, trao đổi thông tin với phụ huynh được thực hiện thuận lợi, minh bạch.

- Công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng được quan tâm; không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin trong năm học.

- Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức và năng lực số cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Một số thiết bị CNTT đã được đầu tư từ nhiều năm trước nên cấu hình chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến việc khai thác các phần mềm và ứng dụng mới.

- Hạ tầng mạng tại một số khu vực trong trường đôi lúc chưa thực sự ổn định, ảnh hưởng đến việc sử dụng các nền tảng số trong giờ học.

- Năng lực ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo của một số giáo viên chưa đồng đều; việc khai thác các công cụ số hiện đại còn ở mức bước đầu.

- Việc xây dựng học liệu số có chất lượng cao, có khả năng chia sẻ và sử dụng rộng rãi còn cần tiếp tục được đầu tư, phát triển.

- Một số nội dung chuyển đổi số mới phát sinh đòi hỏi nguồn kinh phí lớn trong khi điều kiện ngân sách của nhà trường còn hạn chế. Nhà trường hiện chưa có phòng Studio chuyên dụng để tối ưu hóa việc sản xuất học liệu số chất lượng cao.

3. Kiến nghị:

- Đề nghị các cấp quản lý giáo dục tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ quản lý, giáo viên.

- Tiếp tục hỗ trợ kinh phí đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị dạy học số và hệ thống mạng Internet trong nhà trường.

- Có thêm các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, quy trình triển khai thống nhất đối với các nền tảng số dùng chung của ngành nhằm thuận lợi cho quá trình thực hiện tại cơ sở.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp các phần mềm quản lý giáo dục, học bạ số và cơ sở dữ liệu ngành để tăng tính ổn định, đồng bộ và thuận tiện cho người sử dụng.

Nhà trường kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Phòng VH&XH;
- Ban CNTT, CDS;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thanh Kiểm